

Khu vực hóa giữa các quốc gia ngày nay là xu thế thời đại. Các dân tộc trên thế giới đang tăng cường hợp tác về mọi mặt: văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội, chính trị, quân sự và đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, thương mại. Chiến tranh lạnh đã kết thúc, sự đối đầu giữa hai hệ thống đối lập đã lắng xuống; giờ đây các quốc gia đang lao vào cuộc chiến tranh mới đầy khốc liệt, "chiến tranh thương mại".

Sau hơn một phần tư thế kỷ thành lập, ASEAN được đánh giá là tổ chức kinh tế khu vực thành công nhất trong các tổ chức kinh tế thuộc thế giới thứ ba. Các nước thành viên đã đạt nhịp độ tăng trưởng cao và đang tiến từng bước vững chắc tới một liên kết chặt chẽ hơn nữa giữa các dân tộc. Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ IV tại Singapore (28.1.1992) đã đưa ra tuyên bố thành lập Khu mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). Đây là một quyết định đúng đắn, hợp thời; là một điểm mốc lịch sử mở ra một trang hợp tác mới nhằm củng cố hơn nữa liên kết khu vực, tăng cường hiệu quả sản xuất trong nước, đối phó với những điều kiện buôn bán quốc tế thay đổi.

I. CÁC NHÂN TỐ THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH AFTA

AFTA ra đời trong bối cảnh:

Thứ nhất: hợp tác kinh tế nội bộ của ASEAN từ 1967 - 1992 tỏ ra kém hiệu quả, chưa bắt kịp xu thế quốc tế hóa kinh tế toàn cầu.

Thứ hai: những biến đổi sâu sắc trong những nước thành viên: Những thành tựu trên con đường công nghiệp hóa đã tạo tiền đề thúc đẩy quan hệ buôn bán nội bộ ASEAN nhằm hỗ trợ, bổ sung cho nhau trên con đường phát triển. Quá trình tự nhân hóa nền kinh tế đã làm cho các thành viên tìm thấy những điểm chung đó là cơ sở cho sự hợp tác chặt chẽ hơn.

Thứ ba: Tác động bởi các quy chế của GATT: là thành viên của GATT các nước ASEAN nhận thức rõ sớm muộn cũng phải mở cửa thị trường của mình và loại bỏ hàng rào

KHU MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN (ASEAN FREE TRADE AREA - AFTA)

PTS. NGUYỄN PHÚ TỰ

thuế quan, phi thuế quan, hạn ngạch trong buôn bán.

Thứ tư: Ở thập niên 90 xu thế khu vực hóa ngày càng cao, lan rộng, có tác động kích thích sản xuất, thương mại khu vực phát triển, đồng thời chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch giữa các khu vực ngày càng tăng; đó là vật cản vô hình cho tự do thương mại toàn cầu.

Sự ra đời của Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA); Liên minh châu Âu (EU); Khu vực Mậu dịch Tự do Mỹ La tinh (LAFTA); Thị trường chung Trung Mỹ (CACM); Cộng đồng các Quốc gia vùng Ca-ri-bê, Cộng đồng Kinh tế các nước Tây Phi (ECOWAC)... đã thúc đẩy ASEAN hoạt động tích cực hơn, kiên quyết hơn nhằm gia tăng hợp tác kinh tế tiến tới nhất thể hóa kinh tế khu vực; tạo ra thế đứng mới vững chắc trong cuộc chạy đua kinh tế toàn cầu, đối phó với những đòn tấn công của các liên kết khác. Do vậy AFTA là một tổ chức tự bảo vệ của các thành viên ASEAN.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA AFTA

AFTA đề ra trong vòng 10 năm sẽ biến ASEAN thành một thị trường thống nhất (khu vực không quan thuế). Để thực hiện mục tiêu đề ra AFTA phải khắc phục được những nhược điểm của Hiệp định thỏa thuận ưu đãi thương mại (PTA) trước đây và đề ra phương pháp mới cắt giảm dần dần thuế quan giữa các thành viên.

Công cụ chủ yếu của AFTA là biểu thuế quan ưu đãi có hiệu lực

chung (Common Effective Preferential Tariff-CEPT).

1. Các qui định chung

- Các nước thành viên ASEAN đồng áp dụng một biểu thuế quan chung đối với một số sản phẩm giữa các nước thành viên.

- Đối với các nước ngoài khối, biểu thuế quan tùy thuộc vào từng quốc gia.

- Tất cả các loại hàng hóa (trừ nông sản nguyên dạng và các dịch vụ) bao gồm cả đầu tư đều nằm trong CEPT.

- Mỗi thành viên phải đề ra các danh mục sản phẩm sẽ đưa vào CEPT. Đồng thời cũng có danh mục loại trừ vĩnh viễn (những sản phẩm nhạy cảm đối với các thành viên) hay tạm

thời.

Muốn được hưởng ưu đãi giảm thuế trong khuôn khổ CEPT cần thỏa mãn những điều kiện:

Phải là sản phẩm nằm trong danh mục giảm thuế và được hội đồng AFTA xác nhận.

Chỉ có các sản phẩm ở mức thuế 20% trở xuống và nằm trong danh mục giảm thuế giữa hai nước thành viên.

Các sản phẩm phải có tối thiểu 40% do ASEAN gia công chế tạo.

Song do trình độ phát triển không đều, cơ cấu kinh tế không đồng nhất, vì vậy thời gian giảm thuế quan ở mỗi quốc gia cũng khác nhau.

2. Các mặt hàng được ưu đãi thuế quan

15 nhóm sản phẩm thuộc ngành chế tạo và tư liệu sản xuất: dầu thực vật, xi măng, hóa chất, dược liệu, phân bón, đồ nhựa, các sản phẩm cao su, các sản phẩm da, bột giấy, hàng dệt, sản phẩm gốm và thủy tinh, đá quý và đồ trang sức, đồ điện tử, đồ dùng bằng gỗ và song mây.

Hàng nông sản chế biến: thịt, cá, sữa, súc sản, rau, cà phê, chè, ngũ cốc, hạt có dầu, mỡ động vật.

3. Chủng loại hàng hóa được loại trừ khỏi CEPT.

Những sản phẩm vì lý do an ninh quốc gia hay đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng được miễn trừ chung.

Những sản phẩm nhạy cảm thuộc danh mục loại trừ tạm thời (sẽ được đưa vào CEPT theo từng thời điểm từ 1995-2003) thuế suất của

chủng loại này cũng giảm xuống 0 - 5% vào năm 2003.

4. Các chương trình giảm thuế quan:

Chương trình giảm thuế quan bình thường: gồm máy móc, thiết bị, sắt thép. Theo chương trình các mặt hàng có mức thuế 20% trở xuống thì đến năm 2000 sẽ giảm xuống còn 0 - 5%. Đối với những sản phẩm có mức thuế trên 20% sẽ được giảm xuống còn 20% vào năm 1998 và 0-5% vào năm 2003.

Chương trình giảm thuế quan nhanh: gồm 15 mặt hàng (dầu thực vật, xi măng, hóa chất, phân bón, nhựa, sản phẩm cao su, sản phẩm da, bột giấy, hàng dệt, gốm, đá quý, kim hoàn, catốt đồng...). Trong đó những mặt hàng hiện có mức thuế dưới 20% sẽ giảm xuống 0-5% vào năm 1998. Đối với những mặt hàng có mức thuế quan trên 20% sẽ giảm trong vòng 7 năm (năm 2000).

Kế hoạch cắt giảm thuế quan của ASEAN bắt đầu từ năm 1993 để năm 2003 AFTA chính thức được vận hành. Như vậy đến năm 2000 thuế suất khoảng 80% hàng hóa sản xuất tại ASEAN chỉ còn 0-5%.

Tại Hội nghị thượng đỉnh lần V các thành viên đã công bố danh mục cắt giảm thuế suất ở các nước như sau:

Malaysia 10.605 mặt hàng, Thái Lan 8.867 mặt hàng, Indonesia 7.909 mặt hàng, Brunei 6.112 mặt hàng, Singapore 5.708 mặt hàng, Philippines 4.694 mặt hàng, Việt Nam 857 mặt hàng. Với các nước gia nhập sau như Campuchia, Lào và Myanmar thời hạn giảm thuế suất sẽ kéo dài đến năm 2010. Các mặt hàng được công bố sẽ được thực hiện giảm thuế suất cùng một lúc tại các thành viên kể từ ngày 1.1.1996.

Việc thực hiện Hiệp định CEPT là kích thích tố gia tăng lượng hàng xuất khẩu giữa các thành viên ASEAN; giảm bớt sự phụ thuộc của các nước ASEAN trong quan hệ buôn bán với các nước, đặc biệt là các nước phương Tây. Tự do hóa thương mại kích thích sản xuất chuyên môn hóa phát triển, tạo điều kiện cho kinh tế ASEAN đỡ phụ thuộc vào công nghệ, thiết bị, máy móc nước ngoài, giảm thâm hụt ngoại thương, mở rộng hợp tác bình đẳng cùng có lợi.

Tuy vậy nhiều khó khăn trở ngại còn đang ở phía trước

Các thành viên ASEAN còn nhiều điểm bất đồng trong việc thống nhất danh mục các mặt hàng phải giảm thuế quan vào năm 2003.

Sự dị biệt về trình độ phát triển kinh tế, về số lượng và cơ cấu ngoại thương.

Tình hình an ninh, chính trị vẫn có những bất ổn tiềm tàng do sự tranh chấp chủ quyền về lãnh thổ.

Trừ VN, sáu thành viên còn lại

đều là thành viên của APEC (Khu mậu dịch tự do xuyên Thái Bình Dương vào năm 2020); lúc đó APEC sẽ gây một áp lực đối với ASEAN và buộc ASEAN phải tuân thủ những qui định của APEC. Điều này sẽ tác động tiêu cực tới tiến trình tự do hóa thương mại của khu vực.

III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC KHI VN THAM GIA VÀO AFTA

Sự hội nhập vào liên kết khu vực đem lại cho VN một thị trường rộng lớn, khả năng xuất khẩu hàng hóa được dễ dàng hơn qua các nước trong khu vực; giảm sự lệ thuộc của VN vào thị trường Nhật Bản, NICs, EU và ngược lại người tiêu dùng VN sẽ được mua hàng hóa với giá rẻ hơn, chất lượng tốt hơn.

Tham gia AFTA, VN sẽ thu hút được nhiều hơn nữa vốn đầu tư, phát huy được lợi thế so sánh, sử dụng hiệu quả hơn tiềm năng kinh tế của quốc gia; góp phần tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Thông qua AFTA, VN sẽ học được những kinh nghiệm tổ chức quản lý, hiểu biết đầy đủ về tập quán, luật lệ, những nguyên tắc kinh doanh quốc tế...nhằm hợp tác chặt chẽ hơn vì quyền lợi của các bên tham gia.

Việc tham gia vào AFTA là tiền đề cho VN tham gia vào các tổ chức khác: APEC, WTO...tạo điều kiện để VN tham gia vào các liên kết tiểu khu vực, các tam giác, tứ giác đang hình thành trong khu vực biển Đông.

Tuy vậy những khó khăn thử thách khi VN tham gia vào AFTA không phải là ít do sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, kinh nghiệm thương trường, sự dị biệt về thuế, kinh nghiệm điều hành kinh tế tâm vi mô...cụ thể là:

Theo CEPT có ba lĩnh vực: sản phẩm chế tạo - tư liệu sản xuất - nông sản chế biến sẽ giảm thuế nhập khẩu xuống 0 - 5% trong vòng 10 năm. Các thành viên phải xóa bỏ quota, hàng rào mậu dịch phi thuế quan (NTBs). Là một thành viên của AFTA, Việt Nam phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo CEPT. Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Vì hiện nay một số mặt hàng của ta đã đứng vững trên thị trường trong nước nhờ cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý; đồng thời được sự hỗ trợ từ chính phủ thông qua thuế nhập khẩu cao nhằm giúp doanh nghiệp trong nước. Đơn cử mức thuế nhập khẩu hàng dệt là 40%, sản phẩm cao su 30 - 35%...khi tham gia vào CEPT buộc phải giảm thuế nhập khẩu, liệu các doanh nghiệp Việt Nam có đủ lực để đứng vững trước hàng nhập khẩu rẻ, bền, đẹp. Điều này có nghĩa chúng ta

phải chấp nhận sự ganh đua một mất một còn.

Việc giảm thuế nhập khẩu sẽ ảnh hưởng đến tổng thu ngân sách quốc gia, tác động đến cân bằng ngân sách.

Trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam hiện nay tỉ lệ hàng chế biến mới chỉ chiếm 20% (trong khi đó các thành viên ASEAN đã được 60%). Do vậy khi tham gia vào AFTA nếu không điều chỉnh lại cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng gia tăng các mặt hàng chế biến thì có khả năng Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa chế biến của ASEAN.

Khi là thành viên của ASEAN, Việt Nam sẽ chấp nhận đầu tư nhiều hơn do đó nếu không thận trọng, tính toán, cân nhắc cẩn thận chúng ta sẽ dễ dàng bị rơi vào vị thế "túi rác công nghiệp" của ASEAN. Do xu thế các nước có nhu cầu chuyển giao công nghệ lạc hậu cho các nước láng giềng. Đây là nguyên nhân dẫn đến năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm yếu kém, thế cạnh tranh trong thị trường khu vực và thế giới giảm.

Một thực tế nữa chúng ta không thể phủ nhận là sự thiếu hụt một đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, vững vàng về chuyên môn và lực lượng lao động có trình độ và tay nghề cao.

Cơ sở hạ tầng yếu kém cũng là một lực cản cho việc phát triển.

Luật pháp còn lỏng lẻo, chưa nghiêm minh tạo kẽ hở cho việc làm ăn phi pháp và làm lo ngại các nhà đầu tư chân chính.

Để đảm bảo cho việc hội nhập đạt hiệu quả, thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng, chúng ta cần giải quyết đồng bộ các vấn đề sau:

Đẩy mạnh tốc độ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, hướng sản xuất trong nước ra thị trường nước ngoài. Sớm có những biện pháp tích cực trong việc đổi mới công nghệ thiết bị, nhằm thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng tăng kim ngạch của nhóm mặt hàng chế biến.

Tăng ngân sách cho việc đào tạo nguồn nhân lực.

Khuyến khích cả đầu tư trong và ngoài nước, áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, hệ thống thuế cho phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay.

Bản thân các doanh nghiệp trong nước cũng phải tự mình vươn lên, không ỷ vào sự tài trợ của nhà nước, phải tranh thủ tối đa và sử dụng vốn có hiệu quả, luôn cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9000), hạ giá thành sản phẩm, giành ưu thế trên thương trường, đảm bảo thắng lợi trong chiến trường thương mại đầy khốc liệt này ■